

KÌ THI TỐT NGHIỆP THPT, NĂM 2011

MÔN : ĐỊA LÍ

Thời gian : 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ CÁC THÍ SINH (8 điểm)

Câu I : (3,0 điểm)

1. Dựa vào Atlát Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, trình bày phạm vi lãnh thổ nước ta. Hãy kể tên một số cửa khẩu quốc tế quan trọng trên đường biên giới của nước ta với các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia

2. Cho bảng số liệu sau :

Phân bố đô thị và số dân đô thị ở một số vùng, năm 2006

Các vùng	Số lượng Đô thị	Trong đó			Số dân (nghìn người)
		Thành Phố	Thị xã	Thị trấn	
Trung du và miền núi Bắc Bộ	167	9	13	145	2151
Đồng bằng sông Hồng	118	7	8	103	4547
Tây Nguyên	54	3	4	47	1368
Đông Nam Bộ	50	3	5	42	6928

a. Tính số dân bình quân trên 1 đô thị ở mỗi vùng

b. Nhận xét sự phân bố đô thị và số dân bình quân /đô thị giữa các vùng

Câu II : (2,0 điểm)

Dựa vào bảng số liệu sau :

Giá trị xuất nhập khẩu của nước ta, giai đoạn 1990-2005

(Đơn vị : tỉ USD)

Năm	1990	1996	1998	2000	2005
Giá trị xuất khẩu	2,4	7,3	9,4	14,5	32,4
Giá trị nhập khẩu	2,8	11,1	11,5	15,6	36,8

1. Vẽ biểu đồ đường thể hiện giá trị xuất nhập khẩu nước ta 1990-2005

2. Nhận xét tình hình xuất nhập khẩu trong thời gian trên.

Câu III : (3,0 điểm)

1. Hãy phân tích những thuận lợi và khó khăn trong phát triển kinh tế ở Bắc Trung Bộ

2. Tại sao phải khai thác tổng hợp các tài nguyên vùng biển và hải đảo.

II. PHẦN RIÊNG (2,0 điểm)

Thí sinh làm một trong hai câu sau(câu IV.a hoặc câu IV.b)

Câu IV.a Theo chương trình Chuẩn (2,0 điểm)

1. Vì sao nước ta phải thực hiện phân bố lại dân cư cho hợp lí.

2. Hãy phân biệt một số nét khác nhau cơ bản giữa nông nghiệp cổ truyền và nông nghiệp hàng hóa.

Câu IV.b Theo chương trình Nâng cao : (2,0 điểm)

1. Kể tên các tỉnh dẫn đầu về sản lượng thủy sản đánh bắt và các vùng nuôi cá nước ngọt phát triển ở nước ta

2. Chứng minh tài nguyên du lịch nước ta tương đối phong phú và đa dạng..

..... Hết

KÌ THI TỐT NGHIỆP THPT, NĂM 2010
MÔN : ĐỊA LÍ
 Thời gian : 90 phút (không kể thời gian giao đề)

HƯỚNG DẪN CHẤM THI

(Bản hướng dẫn gồm 3 trang)

A. Hướng dẫn chung

1. Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong hướng dẫn chấm thì vẫn cho đủ điểm như hướng dẫn qui định.
2. Việc chi tiết hóa điểm số (nếu có) so với biểu điểm phải đảm bảo không sai lệch với hướng dẫn chấm và được thống nhất trong Hội đồng chấm thi.
3. Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn đến 0,5 điểm (lẻ 0,25 điểm làm tròn thành 0,50 điểm, lẻ 0,75 điểm làm tròn thành 1,00 điểm)

B. Đáp án và thang điểm

Câu	Đáp án	Điểm
Câu I	<p>I. PHÂN CHUNG CHO TẤT CẢ CÁC THÍ SINH (8 điểm)</p> <p>1.Trình bày phạm vi lãnh thổ nước ta (0,75 điểm) Bao gồm : -Vùng đất : gồm toàn bộ phần đất liền và các hải đảo, có tổng diện tích là 331 212 km² - Vùng biển bao gồm : nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa. Vùng biển Việt Nam có diện tích khoảng 1triệu km² ở Biển Đông - Vùng trời : là khoảng không gian bao trùm lên trên lãnh thổ nước ta</p> <p>Một số cửa khẩu quan trọng trên đường biên giới với các nước Trung Quốc,Lào,Campuchia của nước ta (0,75 điểm) -Trên đường biên giới với Trung Quốc : cửa khẩu Móng Cái, Hữu Nghị, Thanh Thủy ,Đồng Đăng, Lào Cai... -Trên đường biên giới với Lào : cửa khẩu Tây Trang,Nậm Cắn,Cầu Treo, Cha Lo,Lao Bảo... -Trên đường biên giới với Campuchia : cửa khẩu Lê Thanh, Hoa Lư, Mộc Bài, Vinh Xương...</p>	0,25 0,25 0,25
	<p>2. Tính số dân bình quân và nhận xét(1,5 điểm) a. Tính số dân bình quân trên 1 đô thị ở mỗi vùng -Trung du và miền núi Bắc Bộ 12,9 nghìn người / đô thị -Đồng bằng sông Hồng 38,5 nghìn người / đô thị -Tây Nguyên 25,3 nghìn người / đô thị - Đông Nam Bộ 138,6 nghìn người / đô thị</p> <p>b. Nhận xét sự phân bố đô thị và số dân bình quân /đô thị giữa các vùng - Số đô thị và số dân bình quân/đô thị giữa các vùng rất khác nhau (không đồng đều) - Vùng có số đô thị nhiều nhất là TD và MNBB gấp 3,3 lần vùng ít đô thị nhất là Đông Nam Bộ -Tuy nhiên số dân bình quân/ đô thị ở TD và MNBB còn thấp (12,9 nghìn người / 1 đô thị) chưa bằng 1/10 vùng Đông Nam Bộ (138,6 nghìn người</p>	0,5 1,0 0,25 0,25

CâuIV	thác đặc sản,khoáng sản ,du lịch biển và giao thông vận tải biển.Chỉ có khai thác tổng hợp mới đem lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường	0,25	
	-Môi trường biển là không thể chia cắt được.Bởi vậy,một vùng biển bị ô nhiễm sẽ gây thiệt hại cho cả vùng bờ biển,cho các vùng nước và đảo xung quanh	0,25	
	-Môi trường đảo,do sự biệt lập nhất định của nó, không giống như trên đất liền, lại do có diện tích nhỏ,nên rất nhạy cảm trước tác động của con người	0,25	
	II. PHẦN RIÊNG (2,0 điểm)		
	Câu IV.a Theo chương trình Chuẩn (2,0 điểm)		
	1. Nước ta phải thực hiện phân bố lại dân cư cho hợp lí, vì dân cư nước ta phân bố chưa hợp lí:(1,0 điểm)		0,25
	- Giữa đồng bằng với trung du,miền núi (ở đồng bằng tập trung khoảng 75 % dân số,mật độ dân số cao. Ở trung du,miền núi mật độ dân số thấp hơn nhiều)	0,25	
	-Giữa thành thị với nông thôn (thành thị 26,9%, nông thôn 73,1% năm 2005)	0,25	
	-Sự phân bố dân cư chưa hợp lí đã ảnh hưởng rất lớn đến việc sử dụng lao động,khai thác tài nguyên.	0,25	
	Nơi thừa lao động là ở các vùng đồng bằng,nơi có tiềm năng lớn lại thiếu lao động như Tây Nguyên,Tây Bắc		
2.Sự khác nhau cơ bản giữa nông nghiệp cổ truyền và nông nghiệp hàng hóa (1,0 điểm)			
*Nền nông nghiệp cổ truyền	* Nền nông nghiệp hàng	0,25	
hóa	- Sản xuất qui mô lớn, sử dụng	0,25	
- Sản xuất nhỏ, công cụ thủ công	nhiều máy móc, vật tư nông	0,25	
- Năng suất lao động thấp	nghiệp,công nghệ mới	0,25	
- Sản xuất tự cấp tự túc, đa canh là	- Năng suất lao động cao	0,25	
canh,	- Sản xuất hàng hóa, thâm	0,25	
chính	chuyên môn hóa		
- Người sản xuất quan tâm nhiều	- Người sản xuất quan tâm		
đến sản lượng	hơn đến lợi nhuận	0,25	
Câu IV.b Theo chương trình Nâng cao : (2,0 điểm)			
1.Kể tên các tỉnh dẫn đầu dẫn đầu về sản lượng thủy sản đánh bắt, các vùng nuôi cá nước ngọt phát triển ở nước ta (0,5 điểm)		0,25	
- Các tỉnh dẫn đầu về thủy sản đánh bắt : Kiên Giang, Bà Rịa- Vũng Tàu, Bình Thuận, Cà Mau			
- Các vùng nuôi cá nước ngọt phát triển : Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng		0,25	
2.Chứng minh tài nguyên du lịch nước ta tương đối phong phú và đa dạng (1,5 điểm)		0,25	
*Tài nguyên tự nhiên			
- Địa hình : 125 bãi biển, 2 di sản thiên nhiên thế giới,200 hang động		0,25	
- Khí hậu : đa dạng, phân hóa		0,25	

	<ul style="list-style-type: none">-Nước: sông ,hồ,nước khoáng ,nước nóng- Sinh vật: Hơn 30 vườn quốc gia. Động vật hoang dã, thủy hải sản* Tài nguyên nhân văn-Di tích: 4 vạn di tích (hơn 2,6 nghìn được xếp hạng).3 di sản văn hóa vật thể và 3 di sản văn hóa phi vật thể thế giới- Lễ hội: quanh năm , tập trung vào mùa xuân- Tài nguyên khác : làng nghề, văn nghệ dân gian, ẩm thực...	0,25
--	---	------